

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 11-4-2018.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đức;

Ông Nguyễn Quang Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 6, xã BD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Phi H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp BK, xã ĐT, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình anh H đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng tự sống ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Hà M, sinh ngày 23-4-2010 hiện đang theo sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai của anh H thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án:

Nhận thấy anh H thừa nhận thời gian chung sống với chị T, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung như chị T trình bày là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi cháu Lê Hà M, sinh ngày 23-4-2010, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr B, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Ngọc T và anh Lê Phi H.

Về con chung: Giao chị T nuôi cháu Lê Hà M, sinh ngày 23-4-2010. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H chung sống với nhau vào năm 2009, không đăng ký kết hôn. Anh, chị xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn và anh H cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H.

[3] Về con chung: Xét thấy, thực tế chị T là người nuôi cháu Lê Hà M, sinh ngày 23-4-2010 từ lúc vợ chồng ly thân đến nay. Mặt khác, cháu M cũng có

nguyện vọng theo sống với chị T. Nay chị T và anh H thỏa thuận giao chị T tiếp tục nuôi cháu M là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, Điều 14, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Ngọc T và anh Lê Phi H.

2. Về con chung: Giao chị Trương Thị Ngọc T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hà M, sinh ngày 23-4-2010. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Trương Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009621 ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện TrB;
- Chi cục THADS huyện TrB;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Ngọc Dũng